

BÀN VỀ GIẢI PHÁP BÀI TRỪ MÊ TÍN DỊ ĐOAN TRONG LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG HIỆN NAY

PGS. TS. BÙI HOÀI SƠN*

TÓM TẮT

Mê tín dị đoan luôn được xem là một hiện tượng gắn liền, song hành cùng với việc tổ chức các lễ hội truyền thống. Bài viết xem xét hiện tượng mê tín dị đoan từ bối cảnh chung của xã hội, đồng thời, tìm hiểu cách xử lý vấn đề này trong lịch sử quản lý văn hóa, từ đó đề xuất những giải pháp chung để bài trừ hiện tượng này.

Từ khóa: lễ hội truyền thống; mê tín dị đoan; quản lý văn hóa.

ABSTRACT

Superstition is always seen as an associated phenomenon, in parallel with the organization of traditional festivals. The paper examines superstitious phenomena from the general context of society, and explores how this problem can be dealt with in the history of cultural management, thereby proposing common solutions to eliminate this phenomenon.

Key words: Traditional festivals; superstition; cultural management.

Dẫn luận

Lễ hội truyền thống ở nước ta “bùng nổ” trong khoảng hơn 20 năm trở lại đây, trùng hợp với một giai đoạn xã hội chuyển đổi, từ năm 1986, đưa nước ta chuyển dần từ xã hội truyền thống sang xã hội hiện đại. Như vậy, quyết định đổi mới toàn diện trong tất cả các lĩnh vực, từ kinh tế, văn hóa, xã hội mà trọng tâm là đổi mới kinh tế của Đảng đã tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ trong mọi mặt của đời sống xã hội. Nền kinh tế tăng trưởng nhanh đã lan truyền ảnh hưởng đến các lĩnh vực khác trong đời sống xã hội, trong đó, có văn hóa nói chung, lễ hội truyền thống nói riêng.

Sự chuyển đổi của các hệ giá trị cũng đáng lưu ý khi giá trị mới đang xác lập, giá trị cũ đang mất dần nhưng chưa hoàn toàn mất hẳn. Cuộc đấu tranh giữa những giá trị cũ và mới là một cuộc đấu tranh gay go và phức tạp. Cái mới không dễ đi lên vì sự kìm hãm của cái cũ, cái cũ không dễ mất đi vì đã trở thành thói quen của nhiều người. Chính vì lý do đó, sự khủng hoảng giá trị đã khiến cho cộng đồng và cá nhân phải tìm đến nhiều giải pháp “giải

thoát” cho bản thân, trong đó, có cả giải pháp tìm đến tôn giáo, tín ngưỡng.

Bối cảnh xã hội chuyển đổi từ năm 1986 đến nay (chuyển đổi về kinh tế - xã hội, về chính sách tôn giáo, tín ngưỡng, hệ giá trị...), đã tác động và làm cho đời sống tôn giáo, tín ngưỡng có sự thay đổi lớn. Trước hết, xã hội chuyển đổi đã tạo điều kiện cho nhu cầu tôn giáo của người dân tăng cao. Đặc trưng của bối cảnh xã hội chuyển đổi là tạo nên sự phát triển mọi mặt, nhưng mặt khác lại tạo nên sự chênh vênh, bấp bênh, với rất nhiều đau khổ và bất trắc. Trong bối cảnh đó, người ta dễ tìm đến nhiều phương cách để đối phó. Một trong những phương cách nhiều người lựa chọn là tìm đến với tôn giáo, tín ngưỡng: một mặt là để cầu xin sự trợ giúp của thần linh cho sự phát triển thịnh vượng, mặt khác là để tìm kiếm sự “bảo hộ” của thần linh cho cuộc sống đầy rủi ro về kinh tế, sức khỏe, hạnh phúc gia đình... Nhu cầu này cộng với cuộc “cách mạng” trong chính sách tôn giáo, tín ngưỡng của Đảng và Nhà nước khiến đời sống tâm linh của người dân được hoàn toàn tự do. Bối cảnh mới cũng làm cho tôn giáo, tín ngưỡng có những đặc trưng khác trước, đồng thời, có những chức năng, vai trò mà trước đây không có (hoặc có

* Viện trưởng

Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam

nhưng chưa đậm nét). Ngày càng nhiều người gia nhập vào các cộng đồng tôn giáo và việc tham gia cộng đồng tôn giáo cũng không chỉ đơn thuần vì mục đích tâm linh mà còn vì những mục đích khác, như tìm kiếm mối quan hệ để giải quyết các vấn đề trong cuộc sống...

Đó là vài nét khái quát chung về bối cảnh để chúng ta đề xuất những giải pháp mang tính thực tiễn nhằm ngăn chặn phát sinh và bài trừ hủ tục, mê tín dị đoan trong lễ hội truyền thống hiện nay.

1. Giải pháp xử lý hiện tượng mê tín dị đoan trong lễ hội truyền thống trong lịch sử

Do đặc điểm bối cảnh chính trị - kinh tế - xã hội và văn hóa ở mỗi thời kỳ khác nhau nên nhận thức về lễ hội, vai trò lễ hội đối với xã hội cũng khác nhau, chính vì lẽ đó, các cách thức xử lý vấn đề hủ tục, mê tín dị đoan trong quản lý lễ hội truyền thống cũng có sự khác biệt nhất định. Trong thời kỳ dân tộc ta dồn sức chống Pháp - Nhật, rồi sau đó đến đế quốc Mỹ, bên cạnh những văn kiện hướng đến mục tiêu cao cả của dân tộc là giành lại độc lập, tự do và hạnh phúc cho nhân dân, Đảng và Nhà nước ta đã có những văn kiện liên quan đến công tác quản lý văn hóa.

Một trong những văn bản đầu tiên liên quan và có ảnh hưởng sâu sắc đến công tác lễ hội và bài trừ giải quyết hủ tục, mê tín dị đoan chính là *Đề cương văn hóa Việt Nam năm 1943*. Đề cương này ra đời trong hoàn cảnh đất nước ta chưa được độc lập, Đảng ta đang tiến hành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. "Đây là cuộc cách mạng có nhiệm vụ đánh đổ bọn đế quốc, giải phóng dân tộc, xoá bỏ chế độ phong kiến, giành quyền làm chủ cho nhân dân lao động"¹. Văn hóa trong bối cảnh đó được xem như một mặt trận (trong ba mặt trận kinh tế, chính trị và văn hóa). Ba nguyên tắc cơ bản trong *Đề cương văn hóa Việt Nam* (dân tộc hoá, khoa học hoá, đại chúng hoá) đã là kim chỉ nam cho các công tác xây dựng, phát triển và quản lý văn hóa của Đảng và Nhà nước ta cho đến nhiều năm về sau. Dù rằng, lễ hội truyền thống không được trực tiếp bàn đến trong *Đề cương Văn hóa Việt Nam*, song, rõ ràng là, lễ hội truyền thống của người Việt ở châu thổ Bắc Bộ cũng không nằm ngoài tầm ảnh hưởng của đường lối của Đảng, đặc biệt, trong lúc "cách mạng đang cần phát huy truyền thống anh hùng và yêu nước của dân tộc Việt Nam"². Như vậy, xét trên quan điểm của Đảng tại thời điểm này, việc tổ chức lễ

hội truyền thống phải đảm bảo mục đích củng cố sự đoàn kết dân tộc, nêu cao tinh thần đấu tranh anh dũng của tổ tiên để nuôi dưỡng tinh thần yêu nước của nhân dân.

Trong *Thư gửi Chủ tịch Hồ Chí Minh về nhiệm vụ văn hóa Việt Nam trong công cuộc cứu nước và xây dựng đất nước*, đồng chí Trường Chinh đã cụ thể hoá một trong những nhiệm vụ cụ thể của văn hóa Việt Nam trong giai đoạn này là: "Phát triển những cái hay, cái đẹp trong văn hóa cổ truyền của dân tộc; đồng thời, bài trừ những cái xấu xa hủ bại"³. Tại *Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ nhất*, họp vào tháng 11 năm 1946 ở Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu rõ nhiệm vụ của nền văn hóa mới là:

Phải lấy hạnh phúc của đồng bào, lấy sự nghiệp đấu tranh của dân tộc làm nội dung phản ánh, đồng thời, phải biết tiếp thu những kinh nghiệm quý báu của nền văn hóa xưa và nay để xây dựng nền văn hóa Việt Nam mới, với ba tính chất: dân tộc, khoa học và đại chúng. Người chỉ rõ: văn hóa phải hướng dẫn quốc dân thực hiện độc lập, tự cường và tự chủ⁴.

Tư tưởng của Bác Hồ về biết tiếp thu những kinh nghiệm quý báu của nền văn hóa xưa và nay để xây dựng nền văn hóa Việt Nam mới với ba tính chất dân tộc, khoa học và đại chúng một lần nữa được làm rõ trong tác phẩm *Đời sống mới* (1947). Trong đó Bác viết:

Đời sống mới không phải cái gì cũ cũng bỏ hết, không phải cái gì cũng làm mới. Cái gì xấu thì ta phải bỏ (...). Cái gì cũ mà không xấu, nhưng phiền phức thì phải sửa đổi lại cho hợp lý (...). Cái gì cũ mà tốt, thì phải phát triển thêm (...). Cái gì mới mà hay, thì ta phải làm (...). Làm thế nào cho đời sống của dân ta, vật chất được đầy đủ hơn, tinh thần được vui mạnh hơn. Đó là mục đích của đời sống mới⁵.

Tại *Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ hai*, đồng chí Trường Chinh đã có một bản báo cáo về *Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam*. Báo cáo này, một lần nữa, được xem như sự trình bày đường lối chỉ đạo hoạt động văn hóa, văn nghệ của Đảng trong thời kỳ bấy giờ. Trong báo cáo có đoạn ghi rõ:

Chống tính chất lạc hậu, hủ bại, phong kiến còn lại rất nhiều trong văn hóa Việt Nam cũ, văn hóa dân chủ mới Việt Nam phải có tính chất khoa học. Nó tôn trọng tự do tín ngưỡng, nhưng phản đối

mê tín, dị đoan: chống tư tưởng duy tâm, thần bí, chống tất cả những lễ thói lỗi thời, luộm thuộm, không hợp lý hoặc phản tiến bộ; đẩy mạnh cuộc vận động đời sống mới (...). Một đặc điểm lớn của văn hóa dân chủ mới là chuộng thực tế và làm cho lý luận với thực tiễn kết hợp với nhau (...). Nó đề xướng tiến bộ và đả phá những gì ngăn cản bước tiến của dân tộc. Nhưng tiến bộ mà không ly dị với dĩ vãng của dân tộc, không lai căng, mất gốc, không a dua, không máy móc, không theo thuyết “khoa học độc tôn”...⁶.

Tư tưởng trên còn một lần nữa được Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định trong *Chỉ thị của Ban Thường vụ Trung ương về nhiệm vụ văn hóa*, ngày 26/5/1950, qua việc nhấn mạnh nhiệm vụ của cấp ủy là: “Muốn xây dựng văn hóa nhân dân cần học hỏi những kinh nghiệm nước ngoài, nhưng đồng thời, phải biết duy trì những di sản quý báu và phát triển những truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc”⁷ và đánh giá, phê bình những khuyết điểm trong công tác văn hóa - “những di sản tốt đẹp của văn hóa cũ chưa được sưu tầm để duy trì và phát triển, cán bộ văn hóa ưa chuộng những hình thức và kỹ thuật mới lai Tây và mất gốc không thích hợp với quần chúng”⁸ và “... nhiều nơi không dung hòa mọi xu hướng văn hóa, không phê bình, đả kích những xu hướng văn hóa hủ bại, tàn tích của chế độ cũ”⁹.

Tư tưởng xuyên suốt về phát triển văn hóa trên cơ sở giữ gìn những mặt tích cực của văn hóa truyền thống, loại bỏ những mặt tiêu cực và sửa đổi những mặt chưa phù hợp, kết hợp với việc tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới một lần nữa được thể hiện trong *Thư gửi Hội nghị cán bộ văn hóa* ngày 28/2/1957 của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Bác phê bình:

Về mặt tổ chức và lãnh đạo còn thiếu chặt chẽ, chưa dựa hẳn vào lực lượng của nhân dân, chưa dùng hết khả năng của các nhà trí thức. Việc phát huy vốn cũ quý báu của dân tộc (nhưng tránh “phục cổ một cách máy móc”) và học tập văn hóa tiên tiến của các nước (trước hết là các nước bạn) cũng chưa làm được nhiều¹⁰.

Không những chỉ được thể hiện ở đường lối của Đảng, trong các văn bản luật pháp, Nhà nước ta cũng đã quan tâm đến các vấn đề văn hóa, trong đó có các vấn đề trực tiếp liên quan đến lễ hội. Trong điều 10 *Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa năm 1946* quy định: Công dân Việt Nam

có quyền tự do tín ngưỡng. Trong *Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa năm 1960*, ngoài việc vẫn khẳng định quyền tự do tín ngưỡng của người dân (điều 26), điều 3 *Hiến pháp* còn quy định: Các dân tộc có quyền duy trì hoặc sửa đổi phong tục tập quán, dùng tiếng nói chữ viết, phát triển văn hóa dân tộc mình. Đến *Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam năm 1980*, quyền tự do tín ngưỡng được quy định tại điều 68. Bên cạnh đó, còn có các điều luật ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của lễ hội, như tại điều 37 *Hiến pháp* khẳng định: Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đẩy mạnh cách mạng tư tưởng và văn hóa, xây dựng nền văn hóa mới có nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc, có tính đảng và tính nhân dân; hay điều 46 quy định: Các di tích lịch sử và văn hóa, các công trình mỹ thuật công cộng, các danh lam, thắng cảnh được tu bổ và bảo vệ. Công tác bảo tồn, bảo tàng được chú trọng.

Điều đó chứng tỏ rằng, trên phương diện lễ hội truyền thống, Đảng và Nhà nước giữ chủ trương nhất quán là: gìn giữ trên cơ sở phát huy những mặt tích cực, sửa đổi những mặt phiền phức và loại bỏ những yếu tố tiêu cực trong các lễ hội truyền thống. Những chủ trương trên cùng là tinh thần cơ bản của các văn bản của ngành văn hóa trong giai đoạn này.

Ngành văn hóa là cơ quan chỉ đạo trực tiếp việc tổ chức lễ hội ở các địa phương. Rất khó có thể nói đến một vài vấn đề nảy sinh trong việc tổ chức lễ hội truyền thống trong khoảng một thời gian dài đến 40 năm, tuy nhiên, các văn bản pháp quy của ngành văn hóa cũng cho chúng ta thấy những vấn đề liên quan đến quản lý lễ hội.

Một trong những nhiệm vụ của ngành văn hóa trong thời kỳ này là “biến những thiết chế văn hóa của xã hội cũ thành những thiết chế văn hóa xã hội chủ nghĩa”¹¹, cũng có nghĩa là biến các cơ sở đình, chùa thành những nơi phổ biến giá trị văn hóa của thời đại mới. Để làm được như vậy, ngành văn hóa cần:

Lưu ý giữ gìn và nâng cao những sinh hoạt văn hóa truyền thống có ý nghĩa tích cực, phù hợp với giá trị văn hóa xã hội chủ nghĩa, như những hoạt động văn nghệ dân gian, có ý nghĩa nhân đạo, tiến bộ, có tác dụng tạo nên tâm lý tập thể, những hoạt động nghi thức có ý nghĩa nhớ ơn tổ tiên, yêu nước, yêu quê hương, yêu lao động. Đồng thời, phải tước bỏ những yếu tố lạc hậu, mê tín dị đoan¹².



"Hiển mã" trong một khóa lễ tại Hà Nội - Ảnh: Tư liệu

Để làm được điều đó, ngành văn hóa đã cho ra đời nhiều văn bản liên quan đến quản lý, tổ chức lễ hội cũng như giữ gìn các di sản do cha ông để lại. Đáng kể nhất và có liên quan nhiều nhất đến việc tổ chức và quản lý lễ hội là: 1/Thông tư số 1845 VH/TT ngày 20/10/1956 của Bộ Văn hóa về việc tổ chức những ngày hội hè của nhân dân; 2/Thông tư số 2361 VH/NC ngày 13/1/1957 của Bộ Văn hóa về việc tôn trọng những ngày tết, ngày hội của các dân tộc thiểu số; 3/Thông tư số 131 VH/TT ngày 1/3/1957 của Bộ Văn hóa về việc hướng dẫn tổ chức các hội hè, hoạt động văn nghệ trong mùa xuân và ngăn ngừa các hiện tượng xấu đang nảy nở; 4/Thông tri số 580 VH/TT ngày 2/5/1957 của Bộ Văn hóa về việc quản lý tiền thu trong các hội hè; 5/Thông tư số 785 VH/TT ngày 8/7/1957 của Bộ Văn hóa về việc lãnh đạo các ngày hội của nhân dân; 6/Thông tư số 1232 VH/NC ngày 23/8/1957 của Bộ Văn hóa về việc lãnh đạo hội đền Kiếp Bạc; 7/Thông tư số 1387 VH/TT ngày 12/10/1957 của Bộ Văn hóa về việc tăng cường lãnh đạo hội hè; 8/Thông tư số 28 VH/TT ngày 3/9/1958 của Bộ Văn hóa về việc bổ khuyết kế hoạch lãnh đạo hội hè; 9/Chỉ thị số 10 VH/VP ngày 15/1/1971 của Bộ Văn hóa về vấn đề hội hè; 10/Thông tri số 24 VH/TT ngày 12/2/1972 của Bộ Văn hóa về vấn đề hội hè; và, 11/Chỉ thị số

54 VH/QC ngày 5/4/1977 của Bộ Văn hóa về việc chỉ đạo các ngày hội.

Trên thực tế, các văn bản trên cho phép chúng ta khẳng định có sự thay đổi nhất định trong việc tạo điều kiện, cho phép phục hồi các lễ hội truyền thống theo chiều hướng ngày càng có thêm những quy định điều chỉnh việc hội hè hơn. Một trong những văn bản có ảnh hưởng sâu sắc nhất đến việc mở hội ở các địa phương cũng như nhận thức của cán bộ trong thời kỳ này chính là Thông tư số 1845 VH/TT. Khi ban hành văn bản đầu tiên có liên quan trực tiếp đến lĩnh vực này, ngành văn hóa đã không tính toán hết được những phát triển lệch lạc của lễ hội về sau đó. Quan điểm chính của văn bản này cho thấy, ngành văn hóa đã tạo điều kiện tối đa và hầu như không hề can thiệp vào công việc tổ chức lễ hội của người dân, chủ yếu đưa ra những hướng dẫn để người dân tổ chức lễ hội vào sau ngày sản xuất nhằm không ảnh hưởng đến công việc đồng áng, tránh đóng góp quá nhiều và chú ý bảo vệ an toàn cho những ngày hội. Văn bản này đề cao tính tự nguyện, tự giác của người dân trong việc tổ chức lễ hội, bài trừ mê tín dị đoan và lấy tuyên truyền, giáo dục nhân dân là biện pháp chủ yếu của ngành văn hóa.

Về mặt lý thuyết, các văn bản luôn xuất phát từ những hoàn cảnh lịch sử cụ thể. Năm 1956 là mốc

thời gian tương đối đặc biệt. Đảng và Nhà nước ta có chủ trương xoá bỏ không khí nặng nề sau cải cách ruộng đất bằng nhiều hoạt động văn hoá, trong đó có chủ trương phục hồi các lễ hội truyền thống để tạo điều kiện cho người dân vui chơi. Và, trên thực tế, ngành văn hoá cũng chưa có nhiều kinh nghiệm trong việc tổ chức và quản lý các hoạt động hội hè, chính vì lý do đó, nội dung *Thông tư số 1845 VH/TT* rất "mờ".

Hệ quả là, đến năm 1957, nhiều lễ hội đã được tổ chức và gây ra những vấn đề cần phải quản lý. Ngày 21/4/1957, *Báo Nhân dân* đã đăng một xã luận nhan đề: "Cần sửa chữa tình trạng phát triển lễ hội chệch hướng". Và, ngay trong năm 1957, Bộ Văn hóa đã có rất nhiều thông tư về việc chỉ đạo hội hè, đáng lưu ý là *Thông tư 131 VH/TT* ngày 1/3/1957 về việc hướng dẫn tổ chức các hội hè, hoạt động văn nghệ trong mùa xuân và ngăn ngừa các hiện tượng xấu đang nảy nở, *Thông tri số 580 VH/TT* về việc sử dụng và quản lý tiền thu trong các hội hè, *Thông tư 785 VH/TT* ngày 8/7/1957 về việc lãnh đạo ngày hội của nhân dân, *Thông tư số 1232 VH/NC* ngày 23/8/1957 của Bộ Văn hóa về việc lãnh đạo hội đến Kiếp Bạc; *Thông tư số 1387 VH/TT* ngày 12/10/1957 của Bộ Văn hóa về việc tăng cường lãnh đạo hội hè; và, năm 1958 ban hành *Thông tư số 28 VH/TT* ngày 3/9/1958 của Bộ Văn hóa về việc bổ khuyết kế hoạch lãnh đạo hội hè. Điều này chứng tỏ rằng, vấn đề phục hồi và tổ chức lễ hội truyền thống được đặc biệt quan tâm trong giai đoạn này, bắt đầu bằng *Thông tư số 1845 VH/TT* năm 1956.

Sau *Thông tư số 1845 VH/TT*, thực tế phát triển lễ hội đã đặt ra một số vấn đề. Nhận xét về thực trạng này, trong *Thông tư 131 VH/TT* ngày 1/3/1957, Bộ Văn hóa đã nêu rõ:

Trong dịp đầu xuân, nhiều nơi việc hội hè, đình đám kéo dài và làm quá rầm rộ, phải huy động nhiều sức người, sức của và thì giờ của nhân dân; ảnh hưởng đến việc làm ăn, đến sức khỏe của nhân dân, có hại cho phong trào sản xuất và tiết kiệm. Nhân dịp đó, những tệ nạn xã hội cũ, như nạn cờ bạc, rượu chè, trai gái và những hủ tục cũng được dịp hồi lai và phát triển, gây nên tình trạng xã hội không tốt, ảnh hưởng nhiều đến sự làm ăn, đời sống và tư tưởng của nhân dân.

So với *Thông tư số 1845 VH/TT*, ngành văn hóa đã có những chỉ đạo quản lý cụ thể hơn đối với việc tổ chức lễ hội bằng những biện pháp, như:

Tránh kéo dài nhiều ngày (chỉ nên thu gọn vào những ngày chính: miến xuôi 2, 3 ngày, miến núi 3, 4 ngày); tránh huy động nhân dân quá đông; tránh tốn kém tiền của vào các việc đình đám, ăn uống, sắm sửa những thứ không cần thiết, hại cho phong trào sản xuất và trái với chính sách tiết kiệm của Đảng, Chính phủ; phải đặt nhiệm vụ sản xuất cao hơn, cấp thiết hơn yêu cầu mở hội để quyết định các trường hợp cần cho mở hội (*Thông tư 131 VH/TT*).

Đề cao biện pháp giáo dục trong các tổ chức đoàn thể, như thanh niên, nông hội, phụ nữ; coi việc tổ chức ngày hội của dân là trách nhiệm của chính quyền và đoàn thể ở mỗi địa phương (*Thông tư 785 VH/TT*).

Việc lãnh đạo hội hè, chính quyền và cấp uỷ địa phương phải coi là trách nhiệm của mình, đồn đốc phân công các ngành, các giới phối hợp chặt chẽ; phân cấp quản lý theo xã - huyện - tỉnh; đa thông cho chi uỷ và ủy ban thẩm huấn chủ trương, chính sách phải làm cho thực thông suốt; chú ý quan tâm lãnh đạo những hội nhỏ (một số kinh nghiệm về lãnh đạo hội hè năm nay, kèm theo *Thông tư số 1387 VH/TT*).

Quản lý dựa trên phân loại hội hè; giáo dục quần chúng; có những biện pháp cụ thể đối với những vấn đề, như những người làm nghề mê tín dị đoan, việc xóc thẻ, người ăn mày, với những phần tử xấu, như lưu manh, cao bồi, gái điếm, đối với nạn cờ bạc (*Thông tư số 28 VH/TT*).

Xoá bỏ tệ nạn mê tín bằng cách, mỗi địa phương có hội cần vạch ra quy ước tạm thời của ngày hội để làm cơ sở vận động quần chúng thực hiện; khuyến khích khách tham quan không đi trùng vào những ngày cao điểm của mỗi hội; giáo dục và quản lý "ông đồng, bà cốt, ông thống, thầy bói..." ngay ở cơ sở hợp tác xã hoặc khối phố; công khai giải thích cho quần chúng về việc trừ bỏ mê tín (dựa vào quy ước tạm thời của ngày hội do địa phương ban hành; thành lập ban tổ chức đảm bảo trật tự an ninh, vệ sinh phòng bệnh... cho những người đi lễ; rút ngắn thời gian của ngày hội; thông qua việc đăng ký hộ khẩu, cố gắng nắm được danh sách và quê quán của những người đi lễ (làm khéo léo, tránh thô bạo) tạo cơ sở cho năm sau có thể giúp cho các địa phương giáo dục những quần chúng còn mê tín được sâu hơn, do đó dần dần đi đến xoá bỏ hẳn tệ nạn mê tín trong các ngày hội (*Chỉ thị số 10 VH/VP*).

Người dân đến lễ hội để cầu tài, cầu lộc, cầu an, xin sự che chở của các vị thánh của cộng đồng. Lễ hội là một loại hình sinh hoạt tâm linh nên có thể nói mê tín dị đoan là một bộ phận hữu cơ luôn đi kèm với lễ hội. Không chỉ trong giai đoạn hiện nay, mê tín dị đoan mới trở thành vấn đề gây ra những khó khăn trong công việc quản lý lễ hội. Ngay trong thời kỳ đầu, ngành văn hóa đã lưu ý đến sự phục hồi đáng lo ngại của mê tín dị đoan đi kèm với việc phục hồi lễ hội, vì vậy, trong *Thông tư 785 VH/TT ngày 8/7/1957*, Bộ Văn hóa đã nêu ra:

Nên nhận rõ rằng, hội hè hiện nay thường là cơ hội thuận tiện cho những hủ tục, tệ lậu xã hội cũ được dịp phát triển, nếu không có sự lãnh đạo chặt chẽ. Đây là một vấn đề xã hội cần phải có sự phối hợp của nhiều ngành, nhiều tổ chức để giải quyết chung. Căn bản là giải quyết bằng giáo dục nhân dân, gây phong trào đời sống mới; một mặt phải nâng cao kiến thức phổ thông, kiến thức khoa học của quần chúng, mặt khác phải đem đến cho quần chúng những hình thức sinh hoạt văn nghệ, văn hóa lành mạnh vui tươi, chú trọng xây dựng nhà văn hóa nông thôn, câu lạc bộ xí nghiệp, cơ quan...

Sau đó, ý thức về ảnh hưởng tiêu cực của tệ nạn mê tín dị đoan trong lễ hội, trong thể lệ về tổ chức việc cưới, việc tang, ngày giỗ, ngày hội ban hành kèm theo *Quyết định số 56-CP ngày 18/3/1975 của Hội đồng Chính phủ đã quy định về việc phân biệt tự do tín ngưỡng với mê tín dị đoan*, chỉ rõ hành vi nào là tín ngưỡng và hành vi nào là mê tín dị đoan; nhấn mạnh việc pháp luật tôn trọng, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng của người dân; và yêu cầu các địa phương có biện pháp giáo dục những người làm nghề mê tín dị đoan, đặc biệt "cần xoá bỏ những hội hè mang tính chất mê tín dị đoan, như hội phủ Giấy ở Nam Hà, hội Đồng Bằng ở Thái Bình..."

Để cập đến việc bài trừ mê tín dị đoan, một số văn bản của ngành văn hóa đã đưa ra một số giải pháp, đáng lưu ý như sau:

+ Đối với các hiện tượng mê tín dị đoan, như: đồng bóng, bói quẻ, xem thẻ, tàn hương nước thai..., không nên dùng mệnh lệnh hạn chế, cấm đoán mà phải phát triển việc truyền bá khoa học phổ thông cho nhân dân, để cho đồng bào tự giải quyết trên cơ sở tự giác của từng người (*Thông tư 1845 VH/TT*).

+ Đối với việc xóc thẻ: đối với những hội có tính chất mê tín, hết sức hạn chế: giảm bớt việc xóc

thẻ, hạn chế in thẻ, bỏ bớt ống thẻ tiến đến thủ tiêu bói thẻ. Đối với những hội thuộc về loại danh lam thắng cảnh hay kỷ niệm lịch sử thì cương quyết bỏ hẳn (*Thông tư 28 TT/NC về việc xóc thẻ*).

+ Đối với những người làm nghề mê tín dị đoan: 1/Giáo dục họ thông qua việc điều tra kỹ những tác hại mà họ gây ra trong các năm qua, phân tích, phê phán nghề của họ là bịp bợm, là không hợp với thời đại hiện nay, mục đích là làm cho họ thấy rõ nghề của họ không lương thiện mà tự giác bỏ. Cần chú ý đến hoàn cảnh từng người để giải quyết cho thích hợp; 2/Những người có lao động cần thuyết phục họ quay về sản xuất, nếu gia đình họ có làm ăn buôn bán, nên trao về cho gia đình họ giúp đỡ, đồng thời, có kế hoạch hướng dẫn cho thích hợp với khả năng của từng người; 3/Đối với những người tàn tật, không còn sức lao động, nhưng gia đình họ có khả năng bao dưỡng, thì cũng giao về gia đình và có kế hoạch giúp đỡ. Những người thuộc loại này không có chỗ nương tựa, nếu địa phương không có biện pháp nào giải quyết, thì lập danh sách báo cáo lên tỉnh, để ủy ban nghiên cứu kế hoạch giải quyết (trợ cấp xã hội). Những người làm nghề mê tín dị đoan ở nơi khác đến hội để làm tiền, qua việc trình báo hộ khẩu, địa phương nên tập trung họ lại, thuyết phục giáo dục họ trở về (*Thông tư 28 TT/NC*).

2. Giải pháp ngăn chặn phát sinh và bài trừ hủ tục, mê tín dị đoan trong lễ hội truyền thống hiện nay

- *Nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội đối với việc tổ chức, quản lý lễ hội và hủ tục, mê tín dị đoan trong lễ hội:*

Do nhiều yếu tố cả khách quan và chủ quan mà từ trước tới nay, cho dù có nhiều văn bản đề cập đến việc chống mê tín dị đoan trong lễ hội nhưng không những hiện tượng mê tín dị đoan không biến mất khỏi các lễ hội mà nó còn có nguy cơ phục hồi, phát triển và lan rộng ra các lễ hội khác nhau.

Nhà nước đã quy định rõ:

+ Việc thờ cúng tổ tiên, đi lễ nhà thờ, đền, chùa... là tín ngưỡng được Nhà nước tôn trọng. Xem số, xem bói, gọi hồn, cầu cơ, sấm truyền, yểm bùa, trừ tà, chữa bệnh bằng phù phép... là mê tín dị đoan, Nhà nước nghiêm cấm.

+ Cấm đốt vàng mã (hình nhân, nhà lầu, xe cộ, đô la, séc...) tại các di tích lịch sử văn hóa trong ngày hội.

+ Cấm đặt bát hương tại công sở, các đơn vị sản xuất, kinh doanh của Nhà nước, tổ chức chính trị xã hội, đơn vị vũ trang.

Tuy nhiên, ở những di tích cụ thể, với các cá nhân cụ thể, việc hiểu rõ về những hành vi mang tính mê tín dị đoan và phải bài trừ nó như thế nào không hoàn toàn dễ dàng, ngay cả đối với các nhà quản lý và các nhà khoa học.

Thực tế cho thấy, các hiện tượng mê tín dị đoan và tín ngưỡng gần bó hữu cơ với nhau, khó có thể tách rời. Nhiều người đánh đồng những hiện tượng mê tín dị đoan là tín ngưỡng và ngược lại tín ngưỡng là mê tín dị đoan. Tất nhiên, cả hai trường hợp này chúng ta đều phải tránh. Tuy vậy, khó khăn trong công tác quản lý ở địa phương là: thứ nhất, không nên áp dụng những hình thức cấm đoán nếu chưa phân biệt được một cách rạch ròi đó là mê tín dị đoan hay không phải là mê tín dị đoan; thứ hai, nếu cấm đoán nhiều quá, cả những hình thức sinh hoạt tín ngưỡng chuyên chở các hành vi mê tín dị đoan lẫn nội dung mê tín dị đoan ấy sẽ dẫn đến việc lễ hội bị xem là “nhạt”, “mất thiêng” và làm mất đi những di sản văn hóa của cộng đồng. Loại quản lý này đã từng được áp dụng bằng cách vắn cho rút thẻ ở các di tích, nhưng loại bỏ đi những quẻ thẻ xấu, có tác dụng tiêu cực đối với người xem quẻ thẻ.

Như vậy, sự không thống nhất trong cách xác định rõ ràng thế nào là mê tín dị đoan, ở mức độ nào là tín ngưỡng và ở mức độ nào sẽ trở thành mê tín dị đoan ở cấp tổ chức lễ hội càng làm cho công tác quản lý trở nên khó khăn hơn. Những quan niệm không rạch ròi, như lên đồng chỉ là một sinh hoạt tín ngưỡng, chỉ khi nó biến tướng thành việc “thánh phán” thì mới là mê tín dị đoan sẽ khiến cho công tác thanh tra, quản lý của ngành văn hóa khó thực thi được nhiệm vụ của mình, đặc biệt, khi hiện tượng hầu đồng luôn kéo dài, được tiến hành cả những lúc nửa đêm... Như vậy, không thể dùng mệnh lệnh hành chính cấm đoán cũng không thể để hiện tượng mê tín dị đoan, đốt vàng mã tràn lan phát triển mà không có kiểm soát, đó là những khó khăn trong công tác quản lý lễ hội.

- *Tăng cường quản lý lễ hội truyền thống, bài trừ hủ tục lạc hậu và mê tín dị đoan bằng cách hoàn thiện các thể chế luật pháp - chính sách:*

Hiện nay đã có nhiều văn bản pháp quy liên quan đến quản lý lễ hội, như *Luật di sản văn hóa*, *Quy chế tổ chức lễ hội*, *Nghị định về xử phạt hành*

chính trong lĩnh vực văn hóa - thông tin... Tuy nhiên, chúng ta vẫn gặp những khó khăn trong việc quản lý các hoạt động lễ hội.

Trên thực tế, một số văn bản lại không thống nhất với nhau, chẳng hạn như quy định sản xuất vàng mã - *Luật thuế* của Nhà nước quy định vàng mã ở biểu thuế đặc biệt, có nghĩa rằng chấp nhận sự tồn tại của ngành hàng này. Ngoài ra, những quy định xử phạt thường tương đối rõ ràng hơn so với các quy định khen thưởng, tôn vinh trong lĩnh vực hoạt động lễ hội truyền thống. Để những quy định trên có tác dụng trong đời sống, chúng ta cần có quy định chi tiết hơn nữa đối với việc tôn vinh và xử phạt các cơ quan, đoàn thể và cá nhân thực hiện tốt việc bảo vệ và phát huy các giá trị của lễ hội. Những quy định này có thể gắn với quyền lợi của các tổ chức và cá nhân tham gia trong công tác trùng tu, tôn tạo di tích, phục hồi và phát huy các giá trị của lễ hội, như giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, thu nhập cá nhân, có cơ chế khuyến khích người trông coi di tích...

Bên cạnh đó, như chúng tôi đã trình bày, quản lý lễ hội hiện nay chú trọng đến thủ tục tiến hành mở hội mà chưa chú ý đúng mức đến quản lý nội dung lễ hội, cách phát huy tính tích cực của cộng đồng trong việc tham gia tổ chức và quản lý lễ hội. Ví dụ trong *Quy chế tổ chức lễ hội năm 2001*, chúng ta đã nói nhiều đến phân cấp quản lý lễ hội, thủ tục mở hội, số ngày được mở hội... mà chưa chú ý đến cách thức phát huy tính tích cực của cộng đồng người dân trong việc tham gia tổ chức và quản lý lễ hội. Trong giai đoạn hiện nay, khi Nhà nước đề cao vai trò làm chủ của người dân, nguyên tắc dân chủ trong mọi sinh hoạt xã hội thì các văn bản pháp luật cũng phải coi trọng đến các yếu tố này. Tuy nhiên, thực tế ban hành văn bản cho thấy, một quy chế tổ chức lễ hội quá chi tiết sẽ không có tính khả thi, chính vì lẽ đó, ngành văn hóa cần sự phối hợp của các cơ quan, ban ngành và các địa phương trong việc triển khai và chi tiết hoá các văn bản này ở các địa phương cụ thể.

Ngoài ra, việc thực thi các văn bản chỉ có hiệu quả nếu có sự hoạt động đồng bộ giữa các cấp, các ngành và các địa phương. Nếu không, các văn bản chỉ tồn tại trên giấy tờ. Như chúng ta từng thấy, các quy định xử phạt về sản xuất và đốt vàng mã, xóc thẻ... (vẫn xảy ra thường xuyên ở các lễ hội) hầu như ít chịu sự xử phạt từ các cơ quan chức năng. Một trong những lý do của thực trạng này xuất

phát từ khâu phối hợp giữa ngành văn hóa và các địa phương còn chưa chặt chẽ.

Điều đáng nói ở đây, là các quy định không có nguyên tắc bất di bất dịch, không thể thay đổi được. Nếu ngành văn hóa để các hiện tượng này diễn ra một cách tràn lan, không được xử lý, thì giải pháp, là hoặc chúng ta củng cố lại để tăng tính chế tài của văn bản, hoặc chúng ta sửa đổi văn bản để hợp pháp hoá những hành vi trên. Tất cả các hình thức xử lý này cần được xét trên một quan điểm linh hoạt, theo đó, các mục đích quản lý phải được cân nhắc để xem xét, những mục đích quản lý nào là quan trọng và mục đích quản lý nào là thứ yếu. Không phải mọi sự cấm đoán đều mang lại hiệu quả quản lý, đặc biệt trong các lĩnh vực có liên quan đến tín ngưỡng, tâm linh.

Chỉ có tăng cường quản lý lễ hội truyền thống bằng cách hoàn thiện các thể chế luật pháp - chính sách, chúng ta mới có thể có những chế tài phù hợp, không gây tranh cãi để xử lý các vi phạm và tôn vinh những hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa của lễ hội, hạn chế các hủ tục lạc hậu và mê tín dị đoan xảy ra trong lễ hội.

- Tăng cường quản lý lễ hội truyền thống, bài trừ hủ tục lạc hậu và mê tín dị đoan bằng giám sát, kiểm tra:

Dù chúng ta đã ban hành nhiều quy định quản lý và xử phạt đối với các hành vi vi phạm, nhiều tồn tại vẫn nảy sinh trong quá trình tổ chức và quản lý hoạt động lễ hội, trong đó có vấn đề về mê tín dị đoan, đốt vàng mã tràn lan diễn ra ở hầu hết các lễ hội, với mọi quy mô lớn, nhỏ khác nhau và một số hủ tục phục hồi cùng với sự phục hồi của các lễ hội truyền thống. Một trong những lý do cơ bản của thực trạng này là do những yếu kém trong khâu giám sát, kiểm tra hoạt động của lễ hội.

Về nguyên tắc, các lễ hội truyền thống, khi tổ chức luôn có văn bản báo cáo trước và sau khi tổ chức lễ hội. Tuy nhiên, đa phần công việc này được thực hiện một cách hình thức, đặc biệt là khâu báo cáo sau khi tổ chức lễ hội. Chính vì trong khâu giám sát, kiểm tra, ngành văn hóa chưa thể bám sát hết tất cả các hoạt động của các lễ hội (thường chỉ tập trung trong những tháng nhất định) đã dẫn đến việc xử lý chưa dứt điểm các sai phạm trong tổ chức và quản lý lễ hội. Những sai phạm này được tiếp diễn năm này qua năm khác đã trở thành chuyện "bình thường" trong các lễ hội. Nếu như những sai phạm trong các lễ hội được xử lý ngay và dứt khoát,

được đem ra làm những điển hình cho các trường hợp lễ hội khác thì các sự việc như những biến tướng trong lễ hội, mê tín dị đoan sẽ được giải quyết một cách nhanh chóng.

Công tác kiểm tra, giám sát sẽ giúp ngành văn hóa theo sát được những diễn biến đang diễn ra trong thực tiễn, vì vậy, ngành có thể có những sửa đổi về mặt văn bản. Lễ hội truyền thống là một sản phẩm của quá khứ, nhưng được vận hành trong xã hội hiện tại, được lựa chọn bởi những con người trong thời hiện tại. Chính vì lẽ đó, lễ hội truyền thống luôn có những thay đổi. Các văn bản quản lý có tác dụng định hướng đối tượng quản lý theo những mục đích của Nhà nước, tuy nhiên, đôi khi các văn bản quản lý lại lạc hậu so với thực tiễn, có tác dụng ngược lại là làm cản trở sự phát triển của lễ hội, ảnh hưởng đến mối quan hệ giữa người dân và Nhà nước. Chính vì vậy, việc giám sát hoạt động của các văn bản là một công việc rất cần thiết.

- Tăng cường quản lý lễ hội truyền thống, bài trừ hủ tục lạc hậu và mê tín dị đoan bằng cách đào tạo cán bộ quản lý văn hóa:

Cán bộ quản lý văn hóa nói chung chỉ có khái niệm về quản lý nhà nước về văn hóa (mà ở các nước phát triển, đây là công việc của cảnh sát) chứ không có khái niệm và hệ thống tri thức về quản lý nói chung, lễ hội nói riêng vì các mục tiêu phát triển văn hóa - kinh tế - xã hội. Do vậy, có tâm lý chỉ coi việc tổ chức lễ hội của cư dân như một cái gì "cần đề phòng" chứ không nhận thấy đó là một cơ hội cho nhiều mục tiêu quản lý văn hóa. Chính vì điều này mà lễ hội cổ truyền ở nước ta vẫn chủ yếu là một "lễ làng" chứ chưa phát triển thành sự kiện văn hoá đa lợi ích, được tận dụng khai thác một cách triệt để, tích cực như ở nhiều quốc gia trong khu vực và trên thế giới. Để khắc phục thực trạng trên, ngành văn hóa cần mở các lớp đào tạo, nâng cao nghiệp vụ về quản lý văn hóa ở cơ sở, trong đó, có nội dung quản lý lễ hội truyền thống. Nội dung các lớp đào tạo quản lý lễ hội, ngoài việc trang bị những quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước, quy chế, văn bản pháp quy của ngành văn hóa đối với lễ hội truyền thống, ngành văn hóa cũng nên nhấn mạnh đến việc tổ chức và quản lý lễ hội truyền thống như một hiện tượng văn hóa có nhiều mục đích, huy động nguồn lực trong dân, phối hợp với các cấp, các ngành vì mục tiêu chung là phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội một cách đồng bộ.

- Quy hoạch phát triển lễ hội cần thiết phải đặt trong quy hoạch tổng thể với các lĩnh vực kinh tế - xã hội khác:

Việc tổ chức và quản lý lễ hội có nhiều mục đích khác nhau, không chỉ riêng mục đích thuần túy văn hóa. Bên cạnh đó, việc phát triển, tổ chức và quản lý lễ hội không thể tiến hành một cách riêng rẽ mà nhất thiết phải được gắn với quy hoạch phát triển của các lĩnh vực khác, như du lịch, giao thông, phát triển hạ tầng điện, nước..., chỉ có như thế, chúng ta mới có thể thấy các mục đích khác nhau của việc quản lý lễ hội, thấy được những ưu tiên cho phát triển, các nguồn lực bên ngoài cũng như bên trong và dự đoán trước những thay đổi không chỉ trong lĩnh vực văn hóa mà còn cả các lĩnh vực khác.

- Quản lý lễ hội cần có sự phối hợp liên ngành:

Nếu chúng ta chỉ nhìn lễ hội truyền thống như một hiện tượng văn hóa đơn thuần và giao phó toàn bộ công việc quản lý lễ hội cho ngành văn hóa thì các công cụ quản lý sẽ không đủ mạnh để có thể phát huy những mặt tích cực, hạn chế những mặt tiêu cực của lễ hội. Vì việc tổ chức lễ hội mang tính đa nghĩa và ảnh hưởng đến nhiều khía cạnh khác nhau của đời sống xã hội nên việc quản lý lễ hội cần phải có sự phối hợp liên ngành.

- Thực hiện nghiên cứu, thống kê và phân loại lễ hội của từng tỉnh, từng vùng, cả nước để có biện pháp quản lý phù hợp:

Đối tượng quản lý của chúng ta là các lễ hội truyền thống, chính vì vậy, thao tác quản lý đầu tiên cần phải thực hiện là hiểu rõ đối tượng quản lý. Một nghiên cứu tổng thể, phân loại, lập bản đồ lễ hội ở các địa phương có tác dụng tốt trong việc nắm bắt thực trạng các lễ hội, điểm mạnh, điểm yếu của các lễ hội ở địa phương, nhờ đó có thể có các kế hoạch quản lý, định hướng phục hồi lễ hội theo hướng bổ sung những tiêu chí cụ thể để nâng cấp từng lễ hội và toàn bộ các lễ hội, tránh phục hồi cả những hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan đi kèm với việc phục hồi các lễ hội.

- Tổ chức các sinh hoạt văn hóa - thể thao, các hội chợ cùng với việc tổ chức lễ hội:

Chúng ta xác định rằng, lễ hội là một sự kiện đa lợi ích, vừa là cơ hội để đoàn kết cộng đồng, giáo dục lịch sử vừa là cơ hội để phát triển kinh tế, quảng bá hình ảnh cộng đồng. Hơn thế nữa, người tham dự lễ hội cũng có rất nhiều nhu cầu khác nhau. Ngành văn hóa cần định hướng nhu cầu của người dân vào những hoạt động lành mạnh. Chính

vì vậy, việc tổ chức các sinh hoạt văn hóa - thể thao, mở các hội chợ giới thiệu sản phẩm địa phương cần phải được xem như một trong những mục đích quan trọng của việc tổ chức lễ hội. Làm được điều này, nhà tổ chức, quản lý lễ hội không những chỉ định hướng được nhu cầu của khách tham dự lễ hội mà còn phát huy tác dụng của lễ hội đối với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội và văn hóa của địa phương, hạn chế các hủ tục lạc hậu và mê tín dị đoan xảy ra trong lễ hội.

- Thực hiện quản lý và tổ chức lễ hội truyền thống vì nhiều mục đích khác nhau, không chỉ đơn thuần vì những mục đích văn hóa mà phải tính cả đến những mục đích về chính trị, kinh tế và xã hội khác:

Rõ ràng là việc tổ chức các lễ hội truyền thống luôn đi kèm với hai biểu hiện tích cực và tiêu cực. Tuy nhiên, không chỉ vì những điểm tiêu cực (như không chỉ vì tình trạng mê tín dị đoan quá nặng nề) mà dẫn đến việc chúng ta cấm đoán việc tổ chức cả một lễ hội. Chúng ta đã có một thời kỳ dài cấm tổ chức một số lễ hội, như hội phủ Giấy hay hội đến Đồng Bằng. Đến nay, các hội này đã được mở lại và nội dung hội, dù có ít nhiều khác trước, nhưng căn bản vẫn không thay đổi. Đó là vì chúng ta cần phải đặt việc tổ chức các lễ hội này trong một bối cảnh xã hội nhất định và mục đích tổ chức hội nhất định. Mục đích đến dự hội của người dân có thể không giống với mục đích mở hội của các nhà lãnh đạo chính trị, văn hóa - xã hội. Mục đích của người dân đến các lễ hội có thể là cầu ước cho sở nguyện riêng của họ, trong khi mục đích của nhà quản lý xã hội là gìn giữ truyền thống của địa phương, phát triển du lịch văn hóa... Theo quan điểm quản lý di sản, đây là những mục đích khác nhau và có thể cùng tồn tại mà không hề có sự mâu thuẫn nào đáng kể trong công tác quản lý.

Bên cạnh đó, đối với những lễ hội cụ thể, chúng ta có những mục đích quản lý cụ thể, không áp dụng một cách máy móc cách quản lý của lễ hội này đối với toàn bộ các lễ hội khác. Đây chính là quan điểm để khi ban hành các văn bản như Quy chế tổ chức lễ hội, trừ những điều khoản đòi hỏi nhất thiết phải cụ thể hoá để tránh những hiểu lầm, hiểu sai nghĩa, hoặc quá mơ hồ, như những biểu hiện của mê tín dị đoan hay cụ thể hơn nữa, như không được bán vé đối với du khách tham dự lễ hội, còn lại, chúng ta cần mở rộng quyền hạn cho các địa phương ban hành hướng dẫn thực hiện quy

chế riêng của họ cho phù hợp với từng mục đích tổ chức và quản lý lễ hội cũng như phù hợp với chính bản thân lễ hội truyền thống ở vùng miền đó.

Việc phục hồi và phát triển lễ hội, các sinh hoạt tín ngưỡng là một sự lựa chọn có thể theo hoặc không theo. Không có mục đích phục hồi, phát triển lễ hội, các sinh hoạt tín ngưỡng nào được xem là tối thượng, hoàn toàn đúng. Điều này thể hiện tính linh hoạt trong việc tổ chức và quản lý lễ hội. Bối cảnh xã hội luôn thay đổi, điều đó buộc các nhà quản lý văn hóa - xã hội phải lựa chọn những khả năng nhất định để ưu tiên cho mục đích của mình. Như chúng ta đã từng thấy, chủ trương mở hội truyền thống năm 1956 của chúng ta xuất phát từ nhiều lý do, trong đó đáng kể nhất là Chính phủ muốn người dân vui vẻ, thoát khỏi không khí căng thẳng của thời kỳ cải cách ruộng đất. Đây rõ ràng là một lý do mà chúng ta đã chọn, dù sau đó, chúng ta đã phải có hàng loạt văn bản để hạn chế sự phát triển quá mức của các lễ hội khi điều kiện đất nước chưa cho phép.

- Ứng xử linh hoạt với nhu cầu tín ngưỡng của người dân, cung cấp thêm các cơ hội khác để người dân hưởng thụ khi tham gia lễ hội truyền thống:

Như chúng ta đã biết, mê tín dị đoan là cách mà chúng ta đánh giá về các hiện tượng, sinh hoạt tôn giáo từ cách nhìn khoa học, vô thần. Theo cách nhìn khoa học hiện nay, các hiện tượng, như đồng cốt, bói toán... hoàn toàn không có cơ sở khoa học nào chứng tỏ tính chân thực. Trên thực tế, nhiều người cũng biết như vậy. Câu hỏi đặt ra là: vậy thì tại sao vẫn có nhiều người theo những hiện tượng "tâm linh" này? Nếu chúng ta giải thích từ thế giới quan khoa học, chắc rằng sẽ không có câu trả lời thoả đáng cho câu hỏi này.

Sinh ra cùng với các tín ngưỡng, mê tín dị đoan gần bó một cách hữu cơ với các tín ngưỡng. Các hiện tượng, như bói toán, xóc thẻ, đồng cốt... được xem là những cách thức thực hành của các tín ngưỡng: một hình thức thông linh giữa thế giới thực với thế giới tâm linh. Người ta đốt vàng mã là để gửi đồ đạc, quà cáp sang thế giới bên kia. Bói toán là nhằm tìm hiểu xem hoặc tương lai mình sẽ ra sao, hoặc thế giới bên kia có đòi hỏi gì ở mình không... Đây là những hình thức ứng xử chỉ có thể hiểu được trong một tổng thể tín ngưỡng dân gian, dưới cách nhìn về thế giới quan của người xưa. Không thể lý giải bằng khoa học duy lý hiện nay.

Sự thật cho thấy, các di tích - lễ hội càng có nhiều hoạt động hầu đồng, bói toán, xóc thẻ, hay đáp ứng những niềm tin tâm linh nào đó, càng được xem là "linh thiêng", thu hút khách hành hương. Nhiều người đi chùa Hương vì tin rằng, sau khi đi đủ ba lần, các ước mơ, cầu xin của họ sẽ thành sự thật. Nhiều người đến Yên Tử cũng gửi gắm một tâm nguyện là trong đời có một lần đến đất Phật, khi qua đời sẽ được siêu thoát. Lễ hội đền Đồng Bằng, phủ Giầy chính là những nơi nổi tiếng về hầu đồng. Hội khai ấn đền Trần có nhiều người đến tham dự cũng có một phần lý do vì được truyền rằng, lễ hội này rất thiêng, đặc biệt vào thời điểm khai ấn, ai được "ấn" sẽ được thăng quan tiến chức (?). Một số người cho rằng, nếu chúng ta tách những thực hành tín ngưỡng mang nặng yếu tố mê tín dị đoan này sẽ khiến cho các lễ hội trở nên mất đi bản sắc vốn có của nó. Nếu chúng ta coi tín ngưỡng là nội dung thì các hiện tượng, như hầu đồng, xem bói, xóc thẻ, xin âm dương là hình thức thể hiện nội dung đó. Như vậy, nếu chúng ta loại bỏ các hình thức biểu hiện này sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến nội dung tín ngưỡng. Một số người cho rằng, nếu thế, các tín ngưỡng sẽ không tồn tại. Trên thực tế, nhiều người cho rằng, các lễ hội càng có nhiều hiện tượng siêu hình, khó hiểu càng thu hút được nhiều khách tham dự và chính đó là những lễ hội thể hiện rõ nhất bản sắc văn hóa dân tộc, chính vì thế, chúng ta không nên loại bỏ các hiện tượng này trong lễ hội. Cần lưu giữ lại các hiện tượng này cho đến khi chúng ta có những lý giải khách quan hơn về chúng.

Mê tín dị đoan là hiện tượng rất đáng quan tâm trong xã hội. Nhiều người đổ lỗi rằng, những khó khăn, bức xúc trong đời sống xã hội hiện tại đã làm bùng phát tệ nạn mê tín dị đoan. Điều này có thể đúng, nhưng không phải là lý do duy nhất. Nhiều hiện tượng mê tín dị đoan tồn tại từ rất lâu, bất chấp sự biến đổi của thời gian và sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật. Nhu cầu của con người luôn thay đổi và không có giới hạn. Con người có những nhu cầu thay đổi theo thời gian cũng có những nhu cầu bất biến. Nhu cầu cũng thay đổi tùy theo từng cá nhân. Nhu cầu không được thoả mãn ở thế giới hiện thực sẽ được con người đòi hỏi cho là tìm thấy ở thế giới hư ảo. Thực chất, những vấn đề xã hội có thể lý giải một phần thông qua các hành vi tôn giáo của

con người. Khi con người có nhu cầu quan chức, tiền tài hay con trai nối dõi thì việc đi xin quan lộc, tài lộc, cầu tự ở các địa điểm “linh thiêng” trở nên dễ hiểu. Trong các gia đình người Việt, chúng ta vẫn thờ các vị thần phúc, lộc, thọ vì chúng ta có nhu cầu được hưởng những điều đó. Chúng ta đi “xin lộc” luôn luôn có lễ và muốn biết kết quả của việc xin lộc đó bằng cách xem quẻ thẻ hay xin âm dương. Đây là những cách ứng xử xã hội cổ truyền của người Việt được thăng hoa vào trong lễ hội.

Theo cách tiếp cận quản lý di sản, mê tín dị đoan không tốt, đôi khi cũng không hẳn xấu. Nó tồn tại có nghĩa là nó có lý do, đáp ứng một nhu cầu nào đó. Nhu cầu tạo ra nguồn lực. Nguồn lực được tạo ra bởi thị trường. Một hiện tượng xã hội không thể tồn tại nếu người ta không có nhu cầu về nó. Chắc chắn rằng, người dân đi dự lễ hội có những nhu cầu tín ngưỡng cần được đáp ứng và các hiện tượng mê tín dị đoan, đối với họ, ở một mức độ nào đó, đã thoả mãn nhu cầu của khách hành hương. Như trong một nghiên cứu mà chúng tôi đã chỉ ra, người dân đi dự hội có nhu cầu cầu tài, cầu lộc, cầu an là rất lớn. Trong một thăm dò từ ngày 10 - 15/2/2003, với 2.731 lượt người trả lời trên *Báo Lao động điện tử* về lý do đi hội, kết quả cho thấy: 91% số người được hỏi cho rằng họ đi hội vì niềm tin, tín ngưỡng. Chính nhu cầu tín ngưỡng đã tạo ra thị trường để các lễ hội phát triển. Dẫu rằng chúng ta không đánh đồng mê tín dị đoan với tín ngưỡng, nhưng cũng rất khó phân chia được hai hiện tượng này.

Theo quan điểm quản lý di sản, khi nào chúng ta còn có nhu cầu về một hiện tượng nào đó, như xóc thẻ, xin âm dương, hầu đồng... thì các hiện tượng này còn tồn tại. Tính chân thực của các hiện tượng này phụ thuộc vào mức độ trải nghiệm của người tham dự vào các hoạt động đó, chứ không phụ thuộc vào các nhà khoa học hay các nhà quản lý. Bất chấp mọi sự giải thích, các biện pháp tuyên truyền, người dân luôn tin vào các trải nghiệm thực tế của mình và những người xung quanh.

Người dân còn tiếp tục thực hiện những hành vi mà chúng ta gọi là “mê tín dị đoan” đến khi nào họ còn cảm thấy việc thực hiện các hành vi đó còn có hiệu quả đối với bản thân họ. Những hình thức cấm đoán khó mang lại hiệu quả. Muốn

ngăn chặn và làm giảm nhu cầu đối với các hoạt động mê tín dị đoan, cách hữu hiệu nhất mà chúng ta có thể thực hiện đối với việc quản lý lễ hội là phải giảm cầu (chứ không phải giảm cung). Để giảm cầu, chúng ta có hàng loạt biện pháp, trong đó đặc biệt là tuyên truyền tốt những bài học về mê tín dị đoan đã gây những tác hại cụ thể như thế nào đối với đời sống của cá nhân và xã hội để những trải nghiệm xã hội thấm dần vào những trải nghiệm cá nhân./.

B.H.S

Chú thích:

1, 2, 4- Trường Chinh (2003), “Về đề cương văn hoá Việt Nam”, in trong cuốn *Đề cương văn hoá Việt Nam 1943: Những giá trị tư tưởng - văn hoá*, Viện Văn hoá - Thông tin và Văn phòng Bộ xuất bản, Hà Nội, tr. 23 - 47.

3- Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 8 (1945 - 1947), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

5- *Hồ Chí Minh toàn tập* (2000), tập 5, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

6- Trường Chinh (1997), *Tuyển tập văn học*, tập 1, Nxb. Văn học, Hà Nội.

7, 8, 9- Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 11 (1950), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

10- *Hồ Chí Minh toàn tập* (2000), tập 8, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

11, 12- Viện Văn hoá (1984), *Xây dựng đời sống văn hoá ở cơ sở*, Nxb. Văn hoá, Hà Nội.

Tài liệu tham khảo:

1- Trường Chinh (1997), *Tuyển tập văn học*, tập 1, Nxb. Văn học, Hà Nội.

2- Trường Chinh (2003), “Về đề cương văn hoá Việt Nam”, in trong cuốn *Đề cương văn hoá Việt Nam 1943: Những giá trị tư tưởng - văn hoá*, Viện Văn hoá - Thông tin và Văn phòng Bộ xuất bản, Hà Nội, tr. 23 - 47.

3- Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 8 (1945 - 1947), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

4- Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 11 (1950), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

5- *Hồ Chí Minh toàn tập* (2000), tập 5, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

6- *Hồ Chí Minh toàn tập* (2000), tập 8, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

7- Viện Văn hoá (1984), *Xây dựng đời sống văn hoá ở cơ sở*, Nxb. Văn hoá, Hà Nội.

(Ngày nhận bài: 30/12/2017; ngày phản biện đánh giá: 12/01/2018; ngày duyệt đăng bài: 21/01/2018).